ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ IA PIA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2421/QĐ-UBND	*Ia Pia, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Đường BTXM Làng Hát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ IA PIA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc quy định tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc loại dự án đặc thù trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 20/8/2026 của Hội đồng nhân dân xã Khóa XIV, kỳ họp thứ Sáu (chuyên đề) về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 619/TTr-PKT ngày 26/9/2026 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Đường BTXM Làng Hát số 01/BCTĐ-TTĐ ngày 26/9/2026).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án: Đường BTXM Làng Hát, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường BTXM Làng Hát.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Thời hạn sử dụng theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

3. Địa điểm xây dựng; hướng tuyến xây dựng; diện tích sử dụng đất:

3.1 Địa điểm xây dựng: Làng Hát, xã Ia Pia, tỉnh Gia Lai.

3.2 Hướng tuyến xây dựng: Gồm 16 đoạn tuyến, tổng chiều dài 3.271m, cụ thể từng đoạn như hồ sơ thiết kế.

- Đoạn 1: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+50 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường nhựa; cuối tuyến: Km0+50, giáp đường đất).

- Đoạn 2: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+50 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường BTXM; Cuối tuyến: Km0+50, giáp đất dân).

- Đoạn 3: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+841 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường bê tông; cuối tuyến: Km0+841, giáp đường đất).

- Đoạn 4: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+54 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp mương; cuối tuyến: Km0+54, giáp đường đất).

- Đoạn 5: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+40 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường mương; cuối tuyến: Km0+00, giáp đất dân).

- Đoạn 6: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+73 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường mương; cuối tuyến: Km0+73, giáp đất dân).

- Đoạn 7: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+79 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường nhựa; cuối tuyến : Km0+79, giáp đất dân).

- Đoạn 8: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+45 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường nhựa; cuối tuyến : Km0+45, giáp đất dân).

- Đoạn 9: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+45 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường nhựa; cuối tuyến : Km0+45, giáp đường đất).

- Đoạn 10: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+80 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường nhựa; cuối tuyến : Km0+80, giáp đường đất).

- Đoạn 11: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+278 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường nhựa; cuối tuyến: Km0+278, giáp đường BTXM).

- Đoạn 12: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+367 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường nhựa; cuối tuyến: Km0+367, giáp đường BTXM).

- Đoạn 13: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+932 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp Đoạn 12; cuối tuyến : Km0+932, giáp đường đất).

- Đoạn 14: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+100 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường nhựa; cuối tuyến: Km0+100, giáp đất nhà mồ).

- Đoạn 15: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+150 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường đất; cuối tuyến : Km0+150, giáp đường đất).

- Đoạn 16: Lý trình: Km0+0.00 -:- Km0+87 (Đầu tuyến: Km0+0.00, giáp đường nhựa. cuối tuyến: Km0+87, giáp đường đất).

3.3 Diện tích sử dụng đất: Thực hiện theo tuyến đường hiện trạng, trong phạm vi và hành lang an toàn công trình đường bộ hiện có.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã.

5. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản: Tổ lập hồ sơ báo cáo kinh tế -kỹ thuật đơn giản đối với các dự án đầu tư đặc thù thuộc các chương trình MTQG theo Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của Chủ tịch UBND xã Ia Pia.

7. Mục tiêu dự án: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của Nhân dân trên địa bàn, góp phần từng bước hoàn thiện hạ tầng và tăng mỹ quan trong khu vực.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1 Nền đường:

- Quy mô: Bề rộng nền đường Bn = 4,5 m.
- Giải pháp thiết kế:

+ Bóc lớp phong hóa, san gạt tạo mặt bằng dày trung bình 10cm;

+ Ta luy nền đường đào là 1/1;

+ Nền đường độ chặt K95.

8.2. Mặt đường:

- Quy mô: Bề rộng nên đường Bm = 3 m.
- Giải pháp thiết kế:

+ Bê tông xi măng đá 2x4 mác 250 dày 16cm;

+ Lớp giấy dầu;

+ Nền đường lu xử lý khuôn K95 lên K98 dày 30cm.

8.3. Lề đường:

- Bề rộng lề đường 1,5 m (mỗi bên 0,75m)
- Đắp đất cấp III, lu lèn đạt độ chặt K95.

8.4. Hệ thống thoát nước: Thiết kế mới cống hộp BTCT 100x100, L=8m tại đoạn 11, Km 0+130.

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 10380:2014 - Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;
- QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- Theo quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc quy định tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc loại dự án đặc thù trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Theo hồ sơ đã phê duyệt trên địa bàn xã;
- TCVN 10380 : 2014 - Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 3.280.000.000 đồng.

- Chi phí xây dựng: 3.174.337.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 86.967.000 đồng;
- Chi phí khác: 18.696.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 0 đồng.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm tiến hành triển khai các bước tiếp theo của quy trình quản lý đầu tư và xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Quyền Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lãnh đạo VP. HĐND và UBND xã;
- Lưu VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ IA PIA T.GIA LAI

Nguyễn Kiên Cường